



Sự thật thì ngay bây giờ chúng ta cũng đã thua rồi, bởi lẽ hàng năm có đến vài trăm triệu USD được đổ ra nước ngoài cho việc du học. Lẽ tất nhiên, du học là cần thiết, là nên được khuyến khích. Thế nhưng, đứng trên góc độ kinh tế để xem xét, nếu chúng ta không tạo dựng được các trường có đủ sức cạnh tranh với nước ngoài để thu hút lượng sinh viên đó thì điều đó cũng có nghĩa là ngành giáo dục đã làm thiệt hại rất nhiều cho lợi ích kinh tế của quốc gia.

Giao dục đại học Việt Nam đang đứng trước sự thách thức rất lớn của thời đại. Đó là xu hướng hội nhập trong điều kiện trình độ giáo dục thấp với chất lượng kém; hầu hết các trường đại học của chúng ta còn quá non yếu so với nhiều trường nước ngoài; các quy định về tổ chức và quản lý trong ngành thể hiện sự lúng túng ngay trong quan điểm về giáo dục. Với những điều kiện như vậy, chúng ta có thể an tâm hội nhập được không? Chắc chắn câu trả lời là

Một số ý kiến về cải cách giáo dục đại học Việt Nam

TS. DƯƠNG TẤN DIỆP

"không". Nhất thiết phải khẩn trương cải cách hệ thống giáo dục đại học nếu không muốn ngày càng bị bỏ lại phía sau so với các nước tiên tiến. Với sự nhận thức hạn hẹp của mình, tôi xin nêu lên một vài khía cạnh cần quan tâm trong việc cải giáo dục đại học ở Việt Nam.

1. Cải cách từ bậc phổ thông

Không thể nói đến chất lượng cao ở bậc đại học nếu như chất lượng giáo dục phổ thông yếu kém. Hiện nay, bậc phổ thông đang tạo ra những con người có kiến thức nhưng thiếu tư duy, nhất là tư duy sáng tạo độc lập. Sự thụ động và lười biếng có xu hướng ngày càng tăng theo từng thế hệ sinh viên (ngoại trừ một tỷ lệ rất nhỏ trong số họ có khả năng vượt trội). Theo tôi, có những nguyên nhân chính sau đây:

(i) Một hệ thống chương trình quá tải, mang nặng tính nhồi nhét, thầy và trò đều phải chạy đua với áp lực chương trình, làm thui chột khả năng phát triển tư

duy sáng tạo của học sinh.

(ii) Một phương thức quản lý dẫn đến sự đối trá về mặt thành tích, kể cả về phía thầy lẫn trò. Về phía thầy, phải cố gắng tạo thành tích ảo bằng cách cho học tử, học bài mẫu, thậm chí có khi chính thầy giả bài cho học sinh trong các kỳ thi. Về phía học sinh, phương pháp học tử, học bài mẫu đã trở thành thói quen, đến lúc lên đại học họ không thể chịu đựng được phương pháp học tích cực. Mặt khác, tệ hại hơn nữa là chính tình trạng dạy và học theo kiểu đối phó đó đã góp phần tạo ra những con người "thành tích ảo", sẵn sàng gian dối, sẵn sàng lấy cắp công sức của người khác mà không hề cảm thấy hổ thẹn, ngay cả khi họ đã có học vị cao.

(iii) Một đội ngũ giáo viên kém chất lượng, đương nhiên sẽ tạo ra những học sinh kém chất lượng. Do thu nhập trong ngành giáo dục thấp nên suốt một thời gian dài đầu vào của các trường sư phạm phần lớn là những người không

giỏi, thậm chí có những người rất yếu kém. Đến khi đi dạy, nhiều giáo viên phải kiếm sống chủ yếu bằng nghề tay trái, không còn thời gian và tâm trí để lo chuyên môn nữa. Trừ một ít trường hợp đặc biệt, một khi bản thân người thầy đã từng học không giỏi, không có óc tư duy tốt, lại không tận tâm với nghề nghiệp thì không thể nào biết cách dạy phương pháp tư duy, kích thích tư duy cho các em. Mà kích thích tư duy để làm gì kia chứ, khi mà phương pháp quản lý, đánh giá chỉ biết dựa vào hình thức, khi luôn phải đối phó với áp lực của chương trình quá nặng nề? Điều đáng nói là hiện nay số người này đang là thành phần nòng cốt, kể cả trong lực lượng giáo viên lẫn bộ máy quản lý của hệ thống giáo dục chúng ta. Với một lực lượng như vậy, mọi biện pháp cải tiến đều trở nên vô nghĩa.

Vì vậy, muốn nâng cao chất lượng giáo dục đại học trước hết phải cải cách hệ thống giáo dục phổ thông. Cải cách giáo dục phổ thông trước hết nên bắt đầu từ việc cải cách thu nhập, đồng thời trên cơ sở đó phải nhanh chóng thay đổi nguồn nhân lực kém chất lượng như hiện nay. Theo tôi, tình trạng kém chất lượng của giáo dục trong thời gian qua, xét đến cùng, không hẳn là lỗi của ngành giáo dục mà chính kết quả tất yếu của một quá trình đối xử của xã hội đối với ngành này. Nếu đứng trên góc độ kinh tế để xem xét, có thể nói ngành giáo dục đã và đang cung cấp cho xã hội một loại dịch vụ với chất lượng hoàn toàn tương xứng với những gì mà xã hội đã cung cấp cho nó suốt mấy mươi năm trước đây. Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, không nên mơ mộng đến những loại hàng hóa chất lượng cao mà lại tốn ít chi phí. Do đó, xét về lâu về dài thì thu nhập chính là cái gốc của vấn đề. Chỉ trên cơ sở cải cách thu nhập, ngành giáo dục mới có thể thu hút được người giỏi và tận tâm với nghề nghiệp. Chính lớp người giỏi đó mới có thể thực sự làm thay đổi sâu sắc bộ mặt giáo dục trong vài chục năm tới. Còn nếu hôm nay chưa bắt đầu thì vòng lẩn quẩn thầy kém – trò dở – thầy kém... vẫn cứ tiếp tục tồn tại một cách lâu dài và vững chắc. Nên nhớ rằng, mỗi một giáo viên (kém chất lượng) sẽ gây hậu quả cho hơn 30 thế hệ học sinh khác nhau, bởi lẽ họ đứng lớp giảng dạy đến hơn 30 năm!

2. Tạo tính cạnh tranh trong giáo dục

Quan niệm xã hội hiện nay rất ngại nói đến từ cạnh tranh trong giáo dục. Tuy nhiên, muốn hay không muốn, sự cạnh tranh chắc chắn đã và đang tồn tại, cho dù chưa được thể hiện rõ ràng. Sự cạnh tranh này sẽ ngày càng trở nên gay gắt hơn trong tương lai, đặc biệt là khi các trường nước ngoài đổ ồ ạt vào Việt Nam. Trong khi đó, hệ thống quản lý đại học Việt Nam vẫn không có chút khái niệm gì về cạnh tranh, nhất là khi tính chất độc quyền trong giáo dục còn cao, nhất là khi cầu đang vượt cung quá nhiều. Từ các quyết định về tài chính cho đến việc phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh đều không chứa đựng bất cứ yếu tố cạnh tranh nào⁽¹⁾ (ngoại trừ cạnh tranh trong việc làm vui lòng cấp trên!).

Chính vì thiếu sự cạnh tranh khách quan nên các trường vẫn gần như bình thân với chất lượng đào tạo của mình. Tuy nhiên, đến một lúc nào đó, khi cánh cửa hội nhập được mở rộng trong ngành giáo dục, sức ép cạnh tranh của trường nước ngoài chắc chắn sẽ đẩy các trường chúng ta lâm vào tình trạng bị lấn át thị phần, những khúc thị trường tốt nhất sẽ lọt khỏi tầm với của chúng ta. Đến lúc đó chúng ta sẽ phải cay đắng chấp nhận thua ngay trên sân nhà, tương tự như cảnh tượng đã từng xảy ra đối với các doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian trước đây. Sự thật thì ngay bây giờ chúng ta cũng đã thua rồi, bởi lẽ hàng năm có đến vài trăm triệu USD được đổ ra nước ngoài cho việc du học. Lẽ tất nhiên, du học là cần thiết, là nên được khuyến khích. Thế nhưng, đứng trên góc độ kinh tế để xem xét, nếu chúng ta không tạo dựng được các trường có đủ sức cạnh tranh với nước ngoài để thu hút lượng sinh viên đó thì điều đó cũng có nghĩa là ngành giáo dục đã làm thiệt hại rất nhiều cho lợi ích kinh tế của quốc gia. Thật vậy, nếu 1 triệu USD dành cho du học trở thành thu nhập của các trường Việt Nam thì nó sẽ làm tăng thu nhập quốc gia thêm nhiều triệu USD nữa⁽²⁾. Nói cách khác, cái mất thực sự của nền kinh tế lớn hơn nhiều so với số lượng USD mà quốc gia thực chi ra nước ngoài để du học. Thử hỏi các trường đại học của chúng ta có cảm thấy tiếc rẻ cho sự mất mát đó không? Bộ giáo dục và đào tạo có thấy được trách nhiệm của mình đối với

sự mất mát đó không? Những nhà lãnh đạo cấp cao của đất nước có cảm thấy xót xa trước sự mất mát đó không?

Muốn thực sự thúc đẩy các trường thay đổi về chất, muốn giảm bớt thua thiệt so với nước ngoài xét về mặt hiệu quả kinh tế trong lĩnh vực giáo dục, tôi cho rằng nhất thiết phải gấp rút xây dựng được các chính sách thúc đẩy cạnh tranh, đồng thời phải tạo dựng được một môi trường cạnh tranh bình đẳng và lành mạnh trong giáo dục, sao cho lợi ích của từng trường cũng như từng cá nhân phải được gắn kết với chất lượng và hiệu quả đào tạo. Đó chính là động lực giúp cho các trường nhanh chóng phát triển, nâng cao chất lượng, để một mặt có thể đáp ứng tối nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, mặt khác có thể đủ sức đứng vững trong thời kỳ hội nhập, khi mà các cơ sở đào tạo nước ngoài đổ xô vào thị trường Việt nam.

3. Xây dựng một hệ thống chương trình có tác dụng kích thích tư duy nghề nghiệp, có tính ứng dụng cao và phải xuất phát từ nhu cầu thực tế

Muốn làm tốt việc này trước hết đòi hỏi các trường phải được quyền chủ động cao. Câu hỏi đặt ra là có nên xây dựng chương trình khung bắt buộc cho cả nước hay không? Có nên xây dựng đề cương chung mang tính bắt buộc cho các môn học trên phạm vi cả nước hay không? Có lẽ cần phải xem xét lại việc làm này, bởi lẽ nó có nhiều nhược điểm:

(i) Thứ nhất: chương trình khung và đề cương chung chỉ là kết quả nhận thức của một ít người, không tận dụng được tri thức của đa số các nhà khoa học, các nhà giáo. Mà trong thời đại ngày nay, tri thức của một ít người không thể nào bao quát hết mọi khía cạnh được. Đó là chưa nói đến việc chọn người biên soạn chương trình có đúng người cần được chọn hay không nữa!

(ii) Thứ hai: một khi chương trình khung hay đề cương môn học đã được ban hành thì nó sẽ được giữ trong một thời gian rất dài, cho dù không hợp lý hoặc cần phải được cải tiến, cập nhật theo thời gian. Đó là chưa kể đến tình trạng ngay khi chương trình vừa được ban hành thì đã lạc hậu so với thực tế rồi!

(iii) Thứ ba: mỗi trường cần có sắc thái riêng. Chính sắc thái riêng kết hợp với yếu tố cạnh tranh mới giúp phát huy

hết thế mạnh của từng trường, phát huy hết khả năng sáng tạo của các nhà giáo, đảm bảo tính linh hoạt của chương trình đào tạo, và nhờ vậy mà các trường có thể đáp ứng được yêu cầu riêng của từng nhóm thị trường lao động. Chương trình khung và đề cương chung quá nặng nề sẽ làm hạn chế, thậm chí triệt tiêu tất cả các ưu điểm này. Chúng ta không nên tạo ra những chú cừu Dolly trong giáo dục!

Ngoài ra, trong chương trình khung hiện nay, hàm lượng các môn bắt buộc quá cao, đặc biệt là những môn mang nặng tính lý luận, làm lấn át các môn chuyên ngành, các môn ứng dụng. Phải chăng đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng sinh viên của chúng ta kém hơn sinh viên nước ngoài về mặt chuyên môn, về khả năng tiếp cận thực tế? Nhờ rằng quỹ thời gian đào tạo có giới hạn, khả năng tiếp thu của sinh viên có giới hạn, tăng môn học này lên thì phải giảm môn khác. Cho nên cần phải chọn lọc kỹ lưỡng các môn học và ấn định thời lượng thích hợp trên cơ sở nghiên cứu đầy đủ tác dụng thực sự của từng môn, sao cho mỗi môn học đều trợ giúp cho sinh viên ra trường có thể làm được việc. Chúng ta đã tụt hậu nhiều so với thế giới rồi, đừng để lãng phí thời gian và trí lực của sinh viên nữa, bởi lẽ càng lãng phí thì mức tụt hậu sẽ ngày càng xa hơn.

Theo tôi, tốt nhất là chương trình khung nên được xem như một chương trình gợi ý để các trường tham khảo. Nếu cần phải quy định những môn bắt buộc thì số lượng các môn này chỉ nên giới hạn ở mức tối thiểu, và cần phải tập trung vào những môn thực sự có tác dụng làm nền tảng phát triển tư duy nghề nghiệp cho sinh viên. Phần lớn các môn còn lại hãy để cho từng trường chủ động quyết định. Chính yếu tố cạnh tranh sẽ là động lực thúc đẩy các trường tìm kiếm chương trình đào tạo có chất lượng, thích hợp với điều kiện thực tế và mang lại hiệu quả cao trong đào tạo. Chính nhờ áp lực cạnh tranh mà các trường sẽ quan tâm đến việc thường xuyên đổi mới, cập nhật kiến thức, cập nhật môn học mới, cập nhật ngành đào tạo mới theo kịp tiến trình phát triển của xã hội. Cũng chính nhờ vậy mà sắc thái riêng của từng trường sẽ được thể hiện rõ hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng về nguồn nhân

lực trên thị trường lao động. Ngày nay khoa học thay đổi với tốc độ chóng mặt, kể cả trong lĩnh vực đào tạo, chúng ta không nên tự giam hãm trong cái khung do chính mình tạo dựng nên.

4. Chọn lọc giảng viên đại học, đồng thời không trói buộc lực lượng các nhà giáo, các nhà khoa học

Rất nhiều lần báo chí lên tiếng về chất lượng giảng dạy, về phương pháp giảng dạy thụ động ở bậc đại học. Theo tôi, có hai nguyên nhân dẫn đến tình trạng này:

(i) Một là do sinh viên quá thụ động, đến mức nhiều giáo viên giảng dạy theo phương pháp tích cực phải nản lòng, và trong nhiều trường hợp đành phải bó tay. Đây chính là hậu quả của lối giáo dục nhồi nhét suốt 12 năm học ở bậc phổ thông mà ngành giáo dục phải tìm cách khắc phục như đã đề cập ở phần trên.

(ii) Hai là do bản thân người thầy, không muốn hoặc không thể giảng dạy theo phương pháp mới. Không muốn vì không có cơ chế kích thích; không thể vì đã quen với lối dạy thụ động trước đây.

Trong thực tế, các trường đại học công lập hoàn toàn không có cơ chế động viên người dạy tốt. Có không ít giáo viên đến lớp chủ yếu chỉ để đọc bài giảng cho sinh viên chép. Phương pháp bình bầu giáo viên dạy tốt đã trở thành trò hề cả về mặt lý lẽ lẫn thực tiễn vẫn được tiếp tục duy trì ở nhiều nơi. Chính phương thức tuyển chọn và đánh giá giảng viên đại học cộng với chủ nghĩa bình quân trong phân phối giờ giảng cũng như phân phối thu nhập đã dẫn đến tình trạng một số giảng viên không có khả năng giảng dạy vẫn tiếp tục đứng trên bục giảng. Vì vậy, muốn cải cách chất lượng đại học cần phải thay đổi phương thức tuyển chọn và đánh giá, cải cách thu nhập, đồng thời phải có cơ chế sàng lọc giảng viên. Thiết nghĩ điều này chỉ có thể có được trong một môi trường thực sự có tính cạnh tranh.

Mặt khác, hầu như mọi người đều thấy rằng nội dung đào tạo ở các trường đại học còn mang nặng tính lý thuyết, còn một khoảng cách khá xa so với thực tiễn. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là bản thân người thầy vẫn còn xa rời thực tế. Vì sao như vậy? Một là tiền lương thấp, thầy không thể

an tâm ngồi nghiên cứu; hai là (lại một lần nữa) không có cơ chế kích thích người thầy tích cực nghiên cứu để giảng dạy tốt hơn; ba là không có nhiều cơ hội để họ có thể trực tiếp thâm nhập thực tế, thậm chí trong nhiều trường hợp việc thâm nhập thực tế là phạm pháp do vi phạm Pháp lệnh công chức nhà nước.

Có cần phải trói buộc lực lượng các nhà giáo trong trường đại học như vậy hay không? Thiết nghĩ, giảng viên không phải là thành phần của bộ máy công quyền, không phải làm việc theo giờ hành chính 8 tiếng một ngày. Cách tốt nhất để quản lý lực lượng này là dựa vào số lượng và chất lượng công việc. Một khi họ đã hoàn thành tốt công việc của trường thì không có lý do gì phải hạn chế các hoạt động khác, nhất là khi hoạt động đó vừa mang lại lợi ích cho xã hội vừa giúp họ có nhiều kinh nghiệm hơn để phục vụ cho công tác chuyên môn. Đặc biệt, trong hoàn cảnh đất nước còn nghèo, lẽ ra xã hội cần tạo điều kiện khai thác tối đa lực lượng sản xuất của quốc gia, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, thì chính Pháp lệnh công chức lại kìm hãm sức phát triển của lực lượng này. Tại sao ở nhiều nước trên thế giới người ta khuyến khích giảng viên đại học kiêm nhiệm các công việc thực tế ngoài trường, kể cả việc thành lập cơ sở tư nhân⁽³⁾, trong khi ở Việt nam thì hành vi đó lại bị xem là bất hợp pháp?

5. Cần củng cố và phát triển mạnh các trường ngoài công lập

Các trường ngoài công lập là một bộ phận quan trọng trong hệ thống giáo dục đại học. Ở nhiều nước, một số đại học nổi tiếng lại chính là đại học tư. Ở nước ta, ngân sách chính phủ không thể nào đảm đương nổi nhu cầu phát triển giáo dục, cho dù tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục được tăng thêm nhiều phần trăm nữa. Vì vậy, phát triển các trường ngoài công lập là một xu thế tất yếu, là biểu hiện cụ thể của chính sách xã hội hóa giáo dục, giúp giảm nhẹ gánh nặng của ngân sách. Tuy nhiên, những qui định về việc tổ chức quản lý các trường ngoài công lập hiện nay giống như một chiếc áo vừa chật chội vừa rách rưới. Chặt chội ở chỗ nó làm hạn chế sự phát triển, nhất là về chất lượng; rách rưới ở chỗ có quá nhiều điều sơ hở và thiếu sót về mặt tổ chức, làm cho kẻ xấu có thể lợi

dụng để làm sai, hưởng lợi trước mắt hoặc làm lợi riêng cho cá nhân, không quan tâm đến lợi ích lâu dài của trường cũng như của sự nghiệp phát triển nền giáo dục quốc gia⁽¹⁾. Điều này đã từng xảy ra ở nhiều trường đại học dân lập trong thời gian vừa qua. Và nếu các qui định về tổ chức quản lý vẫn không thay đổi thì e rằng những sai phạm đó vẫn sẽ tiếp diễn trong tương lai.

Bên cạnh quy chế tổ chức hoạt động, loại hình trường ngoài công lập cũng là vấn đề cần xem xét. Tôi ủng hộ quan điểm của một số người cho rằng chỉ nên có hai loại: công lập và tư thục. Các trường dân lập, bán công của ta hiện nay là những dạng "nửa dơi nửa chuột". Và chính sự nửa vời đó đã gây khó khăn rất nhiều trong việc ban hành các quy chế, nhất là những điều khoản liên quan đến lợi ích tài chính – là vấn đề nền tảng, có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công hay thất bại của các trường ngoài công lập.

Như vậy, muốn củng cố hệ thống

các trường ngoài công lập trước hết phải bắt đầu từ việc xác lại loại hình trường; xử lý triệt để những vướng mắc do quy định cũ gây ra đồng thời phải xây dựng lại toàn bộ hệ thống văn bản pháp quy có liên quan, kể cả việc sửa đổi Luật giáo dục; và cuối cùng là phải thực hiện chủ trương mạnh dạn phát triển loại hình trường này. Tôi tin rằng nguồn lực phát triển giáo dục của xã hội chúng ta đang còn tiềm ẩn rất nhiều. Vấn đề là ở chỗ các chính sách, cơ chế quản lý có đủ sức đánh thức tiềm lực đó hay không. Đây chính là trách nhiệm của những người quản lý cao nhất của đất nước chứ không phải của bản thân các trường.

Tóm lại, hệ thống giáo dục chúng ta đang phải đối đầu với xu hướng hội nhập trong điều kiện chất lượng hết sức thấp kém, không đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội; đồng thời các trường trong nước hoàn toàn không có khả năng cạnh tranh với trường nước ngoài. Muốn giải quyết tình trạng này cần phải có một cuộc cải cách tận gốc rễ,

trước hết bắt đầu từ việc cải cách trong tư duy. Bài viết này mạn phép nêu lên một vài ý kiến tản mạn, chủ yếu là về quan điểm, ngõ hầu góp phần tìm kiếm những giải pháp tích cực cho việc phát triển hệ thống giáo dục đại học ở nước ta. Có thể các ý tưởng đưa ra còn thiếu cặn, chưa phù hợp, chưa chính xác, nhưng tôi hy vọng rằng ít nhiều chúng có tác dụng như là những gợi ý để từ đó hình thành nên nhiều ý tưởng khác hay hơn, nảy sinh từ các nhà nghiên cứu có quan tâm

Ghi chú

(1) Ở Mỹ, trường công lập được phân bổ vốn đầu tư theo tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm và số lượng công trình nghiên cứu - Xem bài "ĐH Mỹ và tình khai phá" của GS. Phan Huy Đạt, báo Tia Sáng tháng 8/2003

(2) Đây là tác động số nhân mà nhà kinh tế người Anh J. M. Keynes đã phát hiện ra: khi tổng cầu tăng thêm một lượng ban đầu nào đó thì sẽ kích thích thu nhập quốc gia tăng thêm gấp bội.

(3) Xem bài "ĐH Mỹ và tình khai phá" của GS. Phan Huy Đạt, báo Tia Sáng số 27- tháng 8.2003

(4) Vấn đề này sẽ được đề cập chi tiết hơn trong một bài viết khác.

(Tiếp theo trang 29)

Hệ thống ngân hàng...

Từ chính sách kinh tế và sự phát triển của hệ thống ngân hàng của các nước châu Á trong tiến trình công nghiệp hóa cần rút ra những bài học kinh nghiệm sau:

- Thứ nhất: Hệ thống ngân hàng đóng vai trò quan trọng trong việc phân phối vốn, trước hết để thực hiện thành công công nghiệp hoá- hiện đại hóa, Chính phủ nên sớm có một khung pháp lý lành mạnh cho hệ thống tài chính, một khuôn khổ pháp lý và cơ chế giám sát hữu hiệu hỗ trợ cho hệ thống ngân hàng nội địa như Singapore. Đồng thời, việc sử dụng chính sách kinh tế vĩ mô cũng như những hạn chế mục tiêu thời kỳ đầu là cần thiết để kiềm chế sự bùng nổ cho vay, cho vay quá nhiều mà ngân hàng khó kiểm soát được chất lượng tín dụng, hoặc đẩy mạnh tín dụng phát triển kinh tế theo "kiểu bong bóng" là nguy cơ tổn thương của hệ thống ngân hàng.

- Thứ hai: Xây dựng hệ thống ngân hàng có tiềm lực vững mạnh, nhanh chóng đa dạng các hình thức huy động vốn, cùng với đẩy mạnh phát

triển thị trường tài chính nhằm khai thông vốn trong nước, đồng thời thu hút tư bản nước ngoài để đáp ứng vốn và kỹ thuật cho quá trình công nghiệp hóa. Bên cạnh đó, Chính phủ cần có biện pháp mở cửa đồng bộ cắt giảm thuế quan, chính sách ưu đãi tín dụng... để nâng cao chất lượng tín dụng.

- Thứ ba: Khi định chế tài chính trong nước còn yếu kém, nhất là khi hệ thống ngân hàng chưa đủ khả năng phân phối tín dụng một cách hữu hiệu, việc tự do hóa thị trường vốn ngắn hạn là rất nguy hiểm. Dòng vốn tư bản ngắn hạn ồ ạt gây hiện tượng "thừa vốn", dẫn đến tình trạng lãng phí, hâm nóng thị trường bất động sản, và sự đảo ngược dòng vốn này gây ra bất ổn trong thị trường tài chính.

- Thứ tư: Cần có sự can thiệp kịp thời của Chính phủ đối với hệ thống ngân hàng, mở rộng tín dụng và thực hiện chính sách ưu đãi lãi suất đối với những mặt hàng, ngành công nghiệp ưu tiên hướng đến xuất khẩu, nhằm tạo động lực chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Vấn đề hỗ trợ lãi suất cho tín dụng cần phải có chương trình hành động bước đi thích hợp với những chỉ tiêu cụ thể, với kinh nghiệm của các nước cần

phải có chế độ kiểm soát chặt chẽ các khoản tín dụng để tránh nguy cơ thất thoát vốn. Tuy nhiên nếu sự can thiệp quá mức mang tính áp đặt của Chính phủ vào hoạt động ngân hàng sẽ trở nên bị gò bó, thiếu tính linh động, gây khó khăn cho ngân hàng trong tiến trình hội nhập quốc tế.

- Thứ năm: Theo kinh nghiệm của một số nước như Thái Lan, Hàn Quốc... nên thành lập ngân hàng xuất nhập khẩu tài trợ những ngành nghề then chốt trọng điểm hướng đến xuất khẩu và đổi mới công nghệ.

Nghiên cứu về thực tiễn chính sách phát triển kinh tế và ngân hàng tại các nước châu Á đã chứng minh công nghiệp hóa là con đường tất yếu khách quan để các nước thoát khỏi đói nghèo lạc hậu. Tín dụng ngân hàng đóng vai trò quan trọng hàng đầu giải quyết nhu cầu vốn cho sự nghiệp công nghiệp hóa. Từ đặc điểm kinh tế xã hội Việt Nam cùng với việc phát huy những kinh nghiệm quý báu là những bài học cần thiết để phát triển hệ thống ngân hàng, khai thác, huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa Việt Nam ■